Toán 5 – Bài 47: Mét khối

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

a) $1469{,}9m^3 =$ ... ...dm^3

b) $102{,}56m^3 =$ ... ...dm^3

c) $154{,}9m^3 =$ ... ...dm^3

d) $6{,}845m^3 =$ ... ...dm^3

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

a) $23\ 320dm^3 =$ ... ...m^3

b) $39\ 173dm^3 =$ ... ...m^3

c) $42\ 100dm^3 =$ ... ...m^3

d) $44\ 000dm^3 =$ ... ...m^3

Bài 3. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

a) $0{,}01m^3 =$ ... ...cm^3

b) $20m^3 =$ ... ...cm^3

c) $2m^3 =$ ... ...cm^3

d) $0{,}005m^3 =$ ... ...cm^3

Bài 4. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

a) $100\ 000cm^3 =$ ... ...m^3

b) $4\ 870\ 000cm^3 =$ ... ...m^3

c) $5\ 000\ 000cm^3 =$ ... ...m^3

d) $2\ 434\ 000cm^3 =$ ... ...m^3

Bài 5. Tính các phép tính sau.

a) $832{,}322dm^3 + 288{,}3dm^3 =$ ... ...dm^3

b) $802{,}889dm^3 + 345{,}26dm^3 =$ ... ...dm^3

c) $633cm^3 + 941{,}237cm^3 =$ ... ...cm^3

d) $225{,}3m^3 + 3m^3 =$ ... ...m^3

Bài 6. Tính các phép tính sau.

a) $908{,}148m^3 - 428{,}715m^3 =$ ... ...m^3

b) $542{,}87dm^3 - 62{,}21dm^3 =$ ... ...dm^3

c) $133dm^3 - 12dm^3 =$ ... ...dm^3

d) $937{,}54cm^3 - 752{,}31cm^3 =$ ... ...cm^3

Bài 7. Tính rồi điền kết quả theo đơn vị được yêu cầu.

a) Tính: $9719{,}408dm^3 + 0{,}707m^3 =$ ... ...cm^3

b) Tính: $23\ 497\ 646cm^3 + 19{,}129m^3 =$ ... ...dm^3

c) Tính: $2{,}254m^3 + 7467{,}092dm^3 =$ ... ...cm^3

d) Tính: $15\ 515\ 000cm^3 + 1921dm^3 =$ ... ...m^3

Bài 8. Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$ vào chỗ trống.

a) $129{,}246m^3$ ... $217\ 042\ 382cm^3$

b) $193{,}271dm^3$ ... $93\ 686cm^3$

c) $581\ 032\ 016cm^3$ ... $5{,}135dm^3$

d) $7{,}204m^3$ ... $7204dm^3$

Bài 9. Sắp xếp các số đo thể tích sau theo thứ tự tăng dần.

a) $420dm^3$; $0{,}302m^3$; $842\ 000cm^3$. Thứ tự tăng dần là: ... ...

b) $565\ 000cm^3$; $997dm^3$; $0{,}637m^3$. Thứ tự tăng dần là: ... ...

c) $346dm^3$; $706\ 000cm^3$; $0{,}221m^3$. Thứ tự tăng dần là: ... ...

d) $0{,}23m^3$; $158dm^3$; $435\ 000cm^3$. Thứ tự tăng dần là: ... ...

Bài 10. Điền số hoặc số đo thích hợp vào chỗ trống.

a) $56dm^3 : 16 =$ ... ...

b) $9{,}6cm^3$: ... ... $= 2{,}4cm^3$

c) $128m^3$: ... ... = $8m^3$ d) $1000cm^3 : 25$ = ...

Bài 11. Một khoang chứa của xe tải nhỏ có thể tích chứa được $60,1m^3$. Hiện các thùng hàng đã chiếm 60% thể tích của khoang chứa của xe tải nhỏ.

Tính thể tích phần còn trống trong khoang chứa.

Bài giải

……

……

……

……

……

……

……

Bài 12. Nhà bác Hòa trong tháng này sử dụng hết $49m^3$ nước sinh hoạt. Bảng giá nước sinh hoạt được áp dụng như sau, không tính thuế và các loại phí khác:

Mức sử dụng nước	**Đơn giá**
Đến $12m^3$ đầu tiên	6500 đồng cho mỗi $1m^3$
Trên $12m^3$ đến $24m^3$	7000 đồng cho mỗi $1m^3$
Trên $24m^3$ đến $36m^3$	9000 đồng cho mỗi $1m^3$
Trên $36m^3$	11 000 đồng cho mỗi $1m^3$

Tính tổng số tiền nước phải trả trong tháng.

Bài giải

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

Bài 13. Đọc tình huống sau và trình bày lời giải.

Ban đầu, trong bể nước của trường có $11m^3$ nước. Sau đó, người ta đã lấy ra $6700dm^3$ nước. Trong bể nước của trường còn lại bao nhiêu m^3 nước?

Bài giải

……

……
……
……
……
……
……
……

Bài 14. Giải bài toán sau.

Một cơ sở làm bánh đã dùng 39,46m^3 nước trong tháng này. Giá nước cố định là 14 000 đồng cho mỗi 1m^3 nước. Tính số tiền nước cơ sở đó phải trả trong tháng này.

Bài giải

……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 15. Đọc tình huống sau và trình bày cách tính số tiền tiết kiệm được khi lượng nước dùng giảm.

Tháng trước, khu nhà trọ của cô Mai dùng 35,025m^3 nước. Tháng này, khu nhà trọ đó dùng 32,775m^3 nước. Giá nước được tính cố định là 7000 đồng cho mỗi 1m^3. Tính số tiền tiết kiệm được trong tháng này so với tháng trước.

Bài giải

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

----HẾT---